

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

CÔNG BỐ

**GIÁ VẬT LIỆU THÁNG 10 NĂM 2023 ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC TRUNG TÂM THÀNH PHỐ, THỊ XÃ VÀ CÁC HUYỆN**
(Số 10/2023/CBLS-XD-TC ngày 15 tháng 11 năm 2023)

Bắc Ninh, tháng 11 năm 2023

UBND TỈNH BẮC NINH
LIÊN SỞ XÂY DỰNG-TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10/2023/CBL-S-XD-TC

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

CÔNG BỐ

Giá vật liệu xây dựng tháng 10 năm 2023 đến hiện trường xây dựng khu vực trung tâm thành phố, thị xã và các huyện

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Sau khi khảo sát thị trường, thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác xây dựng Công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng đến hiện trường khu vực trung tâm thành phố, thị xã và các huyện tháng 10 năm 2023 để các chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

I. Nội dung công bố giá vật liệu xây dựng

1. Một số loại vật liệu chủ yếu (Chi tiết kèm theo phụ lục 1)

1.1. Cơ sở xác định giá vật liệu xây dựng

Giá vật liệu xây dựng trong bảng công bố được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm; báo giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh, mức giá công bố đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình tại trung tâm thành phố, thị xã các huyện.

Giá VLXD tại trung tâm các huyện, thị xã và thành phố Từ Sơn đã tính với bán kính 2km, trung tâm thành phố Bắc Ninh đã tính với bán kính 3km.

1.2. Nguyên tắc xác định trung tâm các huyện và thành phố

Thành phố Bắc Ninh: Ngã sáu giao đường Lý Thái Tổ và đường Trần Hưng Đạo (QL18) làm trung tâm.

Thành phố Từ Sơn: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Lý Thái Tổ làm trung tâm (cạnh Bưu điện Từ Sơn).

Huyện Tiên Du: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 295B (QL1A cũ) và đường Nguyễn Đăng Đạo (Tỉnh lộ 270) làm trung tâm (cạnh Bưu điện Tiên Du).

Huyện Yên Phong: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 286 và Tỉnh lộ 295 làm trung tâm.

Thị xã Quế Võ: Ngã tư giao đường QL18 và Tỉnh lộ 279 làm trung tâm (cạnh Bưu điện Quế Võ).

Thị xã Thuận Thành: Ngã tư giao đường QL38 và QL17 làm trung tâm.

Huyện Gia Bình: Ngã tư giao đường QL17 và Tỉnh lộ 280 làm trung tâm.

Huyện Lương Tài: Ngã tư giao đường Tỉnh lộ 280, Tỉnh lộ 281 và Tỉnh lộ 284 làm trung tâm (cạnh Hồ nước).

2. Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng

2.1. Bảng giá các doanh nghiệp (chi tiết kèm theo phụ lục 2)

Nhóm 1. Xi măng

1.1. Công ty TNHH TNC: Theo văn bản số 04/BG-TNC ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

1.2. Công ty xây dựng Hoàng Hải (TNHH): Theo văn bản số 04.23/BG-HH ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 2. Gạch nung, gạch không nung

2.1. Công ty xây dựng Đồng Nguyên (TNHH): Theo văn bản số 04/BG-ĐN ngày 01/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.2. Công ty Quang Long (TNHH): Theo văn bản số 04/BG-QL ngày 01/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.3. Công ty Cổ phần sông cầu Hà Bắc: Theo văn bản số 04/SCHB ngày 10/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.4. Công ty TNHH sản xuất gạch bê tông Bắc Ninh: Theo văn bản số 1023/CV-BN ngày 01/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.5. Công ty Cổ phần gạch Đại Kim: Theo văn bản số 10/2023.SXD ngày 02/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.6. Công ty TNHH bê tông cường độ cao: Theo văn bản số 04/2023/HSC-CBG ngày 17/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.7. Công ty TNHH vật liệu xây dựng không nung Thuận Thành: Theo văn bản số 07/KNTT ngày 02/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký

niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.8. Công ty thương mại và xây dựng Đức Việt (TNHH): Theo văn bản số 04/CV-DV ngày 25/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.9. Công ty Cổ phần VLXD Minh Đạo: Theo văn bản số 16/BG-MĐ ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.10. Công ty Cổ phần Gạch công nghệ mới: Theo văn bản số 09/CNM ngày 10/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.11. Công ty TNHH vật liệu xây dựng Hoàn Sơn: Theo văn bản số 31/2023-VLXDHS ngày 04/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 3. Vật liệu ốp lát

3.1. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng: Theo văn bản số 290923/CV-ĐG ngày 29/9/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

3.2. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera: Theo văn bản số 1290.1/VIKD-DA ngày 02/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh (Quý IV-2023).

3.3. Công ty Cổ phần Catalan: Theo văn bản số 409/CV-CTL ngày 16/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Ý Gia: Theo văn bản số 2210/YG ngày 20/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 4. Vật liệu lợp

4.1. Công ty Cổ phần Austnam: Theo văn bản số 04/2023/CV/KDNĐ ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

4.2. Công ty TNHH Libati: Theo văn bản số 04/BG-LIBATI ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 5. Cửa các loại và trần nhà

5.1. Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp: Theo văn bản số 30/2023/CV-NVP ngày 03/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

5.2. Công ty TNHH đồ gỗ PLC: Theo văn bản số 04/2023/BG-PLC ngày 12/10/2023 về việc đề nghị niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2023.

5.3. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 01102023/VENZA-SXD ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

5.4. Công ty TNHH thiết bị Bảo Minh An: Theo văn bản số 431/CV ngày 30/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý III/2023).

5.5. Công ty Ngọc Hùng (TNHH): Theo văn bản số 08/CV-NH ngày 02/10/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2023.

5.6. Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Trung Hiếu: Theo Công văn số 04/2023/CVĐK-TH ngày 01/10/2023 về việc đề nghị công bố giá sản phẩm cửa thủy lực, cửa nhôm định hình hệ Xingfa, Việt Pháp, BMA, DA-MA định kỳ tại Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh.

5.7. Công ty Cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi: Theo văn bản số 0110/CKDA/KD ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

5.8. Công ty TNHH thương mại và đầu tư NTG: Theo văn bản số 17/CV-NTG ngày 01/10/2023 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

5.9. Công ty TNHH TD Door: Theo văn bản số 0110/CV ngày 10/10/2023 về việc báo giá sản phẩm VLXD để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính tháng Quý IV/2023.

5.10. Công ty TNHH thương mại ATA Bắc Ninh: Theo văn bản số 110/BG-ATA ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

5.11. Công ty TNHH thiết kế và quảng cáo Việt Z: Theo văn bản số 01/CV2023 ngày 05/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

5.12. Công ty Cổ phần tập đoàn Singhal: Theo văn bản số 0110/SH.TB-VP ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 6. Sơn, bột bả các loại

6.1. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam: Theo văn bản số 1510/JM-SXDBN ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.2. Công ty Cổ phần tập đoàn Sơn công nghệ cao Nano Delux: Theo văn bản số 04.2023/TBG-BN ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.3. Công ty TNHH liên doanh Sơn Pretty: Theo văn bản số 07/2023-SPT ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.4. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng VENZA: Theo văn bản số 02102023/VENRA-SXD ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.5. Công ty Cổ phần thương mại sản xuất quốc tế NANOZTO: Theo văn bản số 04/TB-NCL ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.6. Công ty TNHH Sơn Ronspec: Theo văn bản số 052032/RONSPEC ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.7. Công ty Cổ phần tập đoàn Thành Thắng: Theo văn bản số 605/BG-TĐTT ngày 08/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.8. Công ty TNHH Hải Quân: Theo văn bản số 04.2023/TB-HQ ngày 07/11/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 11/2023 (Quý IV/2023).

6.9. Công ty Cổ phần ST Quốc Tế: Theo văn bản số 04/BG-STQT ngày 01/10/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2023.

6.10. Công ty Cổ phần liên danh Lebeus Group: Theo văn bản số 46/2023 ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.11. Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thế Gia: Theo văn bản số 0110/2023 ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.12. Công ty cổ phần sơn VINAECO: Theo văn bản số 151/VINAECO-SXDBN ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.13. Chi nhánh Công ty cổ phần L.Q Joton tại Hải Dương: Theo văn bản số 03/2023 ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

6.14. Công ty Cổ phần tập đoàn sơn Nisfor Việt Nam: Theo văn bản số 06/CV-BG ngày 20/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 7. Dây, cáp, thiết bị điện và phụ kiện

7.1. Công ty Cổ phần cơ điện Trần Phú: Theo văn bản số 30/TP-NYVL ngày 10/7/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 7/2023 (Quý III/2023).

7.2. Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam: Theo văn bản số 60/CV-SLI ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.3. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phú Thắng: Theo văn bản số 06/SXD-PT ngày 20/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.4. Công ty Cổ phần điện và chiếu sáng Phương Đông: Theo văn bản số 1310.2023/PĐ ngày 15/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.5. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia: Theo văn bản số 275/2023 ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.6. Công ty Cổ phần chiếu sáng đô thị Thiên Long: Theo văn bản số 155/2023 ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.7. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam: Theo văn bản số 04/WINCO-CV ngày 03/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.8. Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc: Theo văn bản số 231013/MB ngày 13/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.9. Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh Nhật Quang: Theo văn bản số 203/NQ/2023 ngày 10/10/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2023.

7.10. Công ty TNHH Vonta Việt Nam: Theo văn bản số 10.10/CV/2023 ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.11. Công ty Cổ phần đầu tư và thiết bị SK Việt Nam: Theo văn bản số 04/SXD-SKVN ngày 11/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.12. Công ty Cổ phần Đông Giang: Theo văn bản số 510/2023 CV-ĐG ngày 05/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

7.13. Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka: Theo văn bản số 1910/2023/CV-HNK-KD ngày 18/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 8. Phòng cháy, chữa cháy

8.1. Công ty Cổ phần phát triển thương mại và xây lắp Bình Minh: Theo văn bản số 1001/CVBM ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 9. Ống nước, thiết bị vệ sinh và phụ kiện

9.1. Công ty Cổ phần nhựa thiếu niên Tiên Phong: Theo văn bản số 63/NTP-PTTT1 ngày 01/11/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

9.2. Công ty Cổ phần ASIA Kinh Bắc: Theo văn bản số 04/BG-ASIA ngày 10/11/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

9.3. Công ty TNHH thiết bị và vật tư ngành nước Hà Nội: Theo văn bản số 0110/NHN ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

9.4. Công ty Cổ phần Santo: Theo văn bản số 04/23/CV-ST ngày 01/10/2023 về việc giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2022).

9.5. Công ty Cổ phần Visuco: Theo văn bản số 06.11/2023/VISUCO ngày 06/11/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

Nhóm 10. Cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm

10.1. Công ty TNHH Đất Việt: Theo văn bản số 04/2023 ngày 10/10/2023 về việc báo giá sản phẩm vật liệu xây dựng đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

10.2. Công ty TNHH xây dựng Đại An: Theo văn bản số 01/10/2023/CV-ĐA ngày 01/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

10.3. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Phạm Đình: Theo văn bản số 04/2023-PD ngày 04/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh Quý IV/2023.

10.4. Công ty Cổ phần AVIA: Theo văn bản số 1010/2023 ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

10.5. Công ty Cổ phần xây dựng Vũ Hùng: Theo văn bản số 04/2023-VH ngày 18/10/2023 về việc thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

10.6. Công ty TNHH một thành viên 17: Theo văn bản số 735/KTKT-CT ngày 12/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

10.7. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng Ngân Hà: Theo văn bản số 04/2023 ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

10.8. Công ty TNHH Khánh Trang: Theo văn bản số 10/2023 ngày 20/9/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

10.9. Công ty Cổ phần xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc: Theo văn bản số 10102023/CVSKB ngày 10/10/2023 về việc đăng ký niêm yết giá tại công bố giá VLXD liên Sở Xây dựng-Tài chính Bắc Ninh tháng 10/2023 (Quý IV/2023).

2.2. Một số lưu ý khi sử dụng thông tin giá vật tư, vật liệu xây dựng.

a) Về thông tin giá:

Giá các loại vật tư, vật liệu công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp để chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

b) Yêu cầu đối với các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh niêm yết, công bố:

Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Hướng dẫn số 09/HD-SXD ngày 24/9/2021 của Sở Xây dựng Bắc Ninh về việc hướng dẫn đăng ký niêm yết giá vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu gửi liên Sở Xây dựng - Tài chính Bắc Ninh và mức giá mà đơn vị đã niêm yết, công bố, chất lượng sản phẩm theo quy định; có trách nhiệm thông tin, công bố kịp thời khi thay đổi giá bán, chất lượng sản phẩm cho liên Sở.

Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

c) Yêu cầu đối với các cơ quan, đơn vị tham khảo, áp dụng công bố:

Khi áp dụng giá vật tư, vật liệu trong thông tin giá này yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cung cấp hồ sơ chất lượng và giá vật tư, vật liệu tại thời điểm đảm bảo phù hợp với mặt bằng thị trường, chống thất thoát, lãng phí, hoàn toàn chịu trách nhiệm về những sản phẩm, vật tư, vật liệu khi áp dụng.

Khuyến khích lựa chọn vật tư, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và có giá thành thấp.

II. Hướng dẫn tham khảo hoặc vận dụng giá vật liệu xây dựng trong công bố

Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là loại vật liệu phổ biến trong xây dựng công trình làm cơ sở tham khảo cho việc lập đơn giá xây dựng công trình. Giá những loại vật tư, vật liệu xây dựng có trong công bố tại khu vực thành phố Bắc Ninh, trong trường hợp các huyện, thị xã, thành phố Từ Sơn không có thì có thể tham khảo ở thành phố Bắc Ninh.

Một số vật liệu không có trong công bố giá của liên Sở hoặc trường hợp giá vật tư, vật liệu xây dựng tại thời điểm lập dự toán, lập giá gói thầu có biến động (tăng hoặc giảm) so với giá công bố thì chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan tự tổ chức khảo sát, xác định và quyết định giá vật liệu khi lập dự toán, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu của từng công

trình đảm bảo theo quy định của pháp luật về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để cập nhật dữ liệu.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này để lập, thẩm tra, thẩm định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào thời điểm, địa điểm công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, yêu cầu thiết kế và quy định quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật tư, vật liệu hợp lý, xác định giá vật tư, vật liệu phù hợp với mặt bằng thị trường, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí và hoàn toàn chịu trách nhiệm khi sử dụng giá vật tư, vật liệu trong công bố giá này.

Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin giá theo công bố này phải chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và thực hiện đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Giám đốc và các Phó giám đốc Sở XD, Sở TC;
- Công TTĐT Sở XD;
- Lưu: VT, KT&VLXD, QLG, Nnh.

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Huấn

Nguyễn Xuân Đoàn

PHỤ LỤC 1

**BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG
KHU VỰC THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT
(Kèm theo Công bố số 10/2023/CBLS-XD-TC ngày 15/11/2023 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng		Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	1	Cát xây dựng			
1		Cát mịn (ML=0,7-1,4mm)	m ³	184.896	QCVN16: 2019/BXD
2		Cát mịn (ML=1,5-2mm)	m ³	194.896	
3		Cát vàng ML>2mm	m ³	454.896	
4		Cát san nền	m ³	174.896	
	2	Đá dăm xây dựng			
5		Đá dăm xanh 1 x 2 (đá chọn)	m ³	312.958	QCVN16: 2019/BXD
6		Đá dăm xanh 2 x 4 (đá chọn)	m ³	302.958	
7		Đá dăm xanh 4 x 6 (đá chọn)	m ³	292.958	
8		Đá dăm cấp phối loại I	m ³	277.958	
9		Đá dăm cấp phối loại II	m ³	267.958	
10		Đá dăm 0,5x1	m ³	242.958	
11		Đá mặt	m ³	214.896	
	3	Xăng, dầu			
		<i>Từ ngày 02/10/2023</i>			
12		Xăng RON95-III	lít	22.582	
13		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	21.364	
14		Diezen 0,05S-II	lít	21.445	
15		Dầu hoả 2-k	lít	21.645	
16		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	15.864	
		<i>Từ ngày 11/10/2023</i>			
17		Xăng RON95-III	lít	20.945	
18		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	19.909	
19		Diezen 0,05S-II	lít	20.373	



20		Dầu hoả 2-k	lít	20.418			
21		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	14.755			
		Từ ngày 23/10/2023					
22		Xăng RON95-III	lít	21.373			
23		Xăng sinh học E5 RON92-II	lít	20.327			
24		Diezen 0,05S-II	lít	20.436			
25		Dầu hoả 2-k	lít	20.682			
26		Dầu mazut No2B (3,5S)	kg	15.100			
	4	Sắt, thép					
		1 - Thép Thái Nguyên					
		Thép tròn cuộn, thép cây					
27		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CT3, CB240-T.	kg	14.310			
28		Thép tròn vằn D8 cuộn SD295A, CB300-V	kg	14.310			
29		Thép tròn vằn D9 cây L=11,7m SD295A, CB300-V	kg	14.860			
30		Thép tròn vằn D10 cuộn CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.360			
31		Thép tròn vằn D10 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.760	QCVN07: 2019/BKHCN		
32		Thép tròn vằn D12 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.610			
33		Thép tròn vằn D14÷D40 cây L=11,7m CT5, SD295A, CB300-V	kg	14.560			
34		Thép vằn D10 cây CB400-V, CB500-V	kg	14.760			
35		Thép vằn D12 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	14.610			
36		Thép vằn D14÷D40 cây L=11,7m, CB400-V, CB500-V	kg	14.560			
		Thép hình các loại					
37		Thép góc L40 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.560			
38		Thép góc L50 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.460			
39		Thép góc L60 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.460			
40		Thép góc L63÷L65 SS400, CT38, CT42 L=6m, 9m, 12m	kg	15.410	QCVN07: 2019/BKHCN		

41	Thép góc L70÷L80 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.460	QCVN07: 2019/BKHCN
42	Thép góc L90 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.460	
43	Thép góc L100 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.460	
44	Thép góc L120÷L130 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	17.210	
45	Thép góc L150, SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	17.560	
46	Thép góc L100 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	17.660	
47	Thép góc L120÷L130 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	17.660	
48	Thép góc L150 SS540, L=6m, 9m, 12m	kg	18.060	
49	Thép C8÷C10 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.510	
50	Thép C12 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	15.360	
51	Thép C14 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.510	
52	Thép C15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.510	
53	Thép C16 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.510	
54	Thép I10 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	15.810	
55	Thép I12 SS400, L=6m, 9m, 12m	kg	15.760	
56	Thép I15 SS400, CT38, CT42, L=6m, 9m, 12m	kg	16.110	
	2 - Thép Hòa Phát			
57	D6 cuộn CB240-T	kg	13.318	QCVN07: 2019/BKHCN
58	D8 cuộn CB300-V	kg	13.318	
59	D12 cây gai CB300-V	kg	13.455	
60	D14 cây gai CB300-V	kg	13.455	
61	D16 cây gai GR40	kg	13.455	
62	D18 cây gai CB300-V	kg	13.455	
63	D20 cây gai B300-V	kg	13.455	
64	D22 cây gai CB300-V	kg	13.455	
	3 - Dây thép, đinh			

65		Dây thép đen các loại	kg	20.000	
66		Đinh các loại	kg	20.000	
		4 - Thép Việt Ý (Cty CP thép Việt Ý)			
67		Thép tròn trơn D6, D8 cuộn CB240T	kg	14.250	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 1:2018 TCVN1651- 2:2018
68		Thép thanh vằn D10 CB300-V	kg	14.800	
69		Thép thanh vằn D10 CB400-V, CB500-V	kg	15.300	
70		Thép thanh vằn D12 CB300-V	kg	14.650	
71		Thép thanh vằn D12 CB400-V, CB500-V	kg	15.100	
72		Thép thanh vằn D13-D32 cây CB300-V	kg	14.650	
73		Thép thanh vằn D13-D32 CB400-V, CB500-V	kg	15.100	
74		Thép thanh vằn D36 CB400-V, CB500-V	kg	15.200	
75		Thép thanh vằn D40 CB400-V, CB500-V	kg	15.900	
		5 - Công ty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn			
76		Thép cuộn D6 (CB240T)	kg	14.670	QCVN07: 2019/BKHCN TCVN1651- 1:2018 TCVN1651- 2:2018
77		Thép cuộn D8 (CB240T)	kg	14.670	
78		Thép cuộn D8 (CB300T)	kg	14.770	
79		Thép thanh vằn D10 (Gr40)	kg	14.920	
80		Thép thanh vằn D12 (CB300V)	kg	14.820	
81		Thép thanh vằn D14-D20 (CB300V/Gr40)	kg	14.770	
82		Thép thanh vằn D10 (CB400V/CB500V)	kg	15.020	
83		Thép thanh vằn D12 (CB400V/CB500V)	kg	14.920	
84		Thép thanh vằn D14-D32 (CB400V/CB500V)	kg	14.870	

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY DỰNG KHU VỰC TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TỪ SƠN

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 - Mức giá chưa bao gồm VAT

(Kèm theo Công bố số 10/2023/CBLS-XD-TC ngày 15/11/2023 của Liên Sở Xây dựng-Tài chính)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Danh mục vật liệu xây dựng	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thành phố Từ Sơn	Huyện Tiên Du	Huyện Yên Phong	Thị xã Quế Võ	Thị xã T.Thành	Huyện Gia Bình	Huyện Lương Tài
1	Cát (TCVN)									
1	Cát mịn cỡ hạt 0,7-1,4	m ³		184.065	184.451	191.806	179.559	179.678	179.590	183.934
2	Cát mịn cỡ hạt 1,5-2,0	m ³	QCVN16: 2019/BXD	194.065	194.451	201.806	189.559	189.678	189.590	193.934
3	Cát vàng ML>2	m ³		454.065	454.451	462.788	444.559	444.678	449.590	450.934
4	Cát san nền	m ³		174.065	174.451	181.806	164.559	164.678	168.590	169.934
2	Các loại Đá (TCVN)									
5	Đá dăm xanh (chọn) 1x2	m ³		308.553	309.148	320.791	301.204	301.354	301.243	304.879
6	Đá dăm xanh (chọn) 2x4	m ³		298.553	299.148	310.791	291.204	291.354	291.243	294.879
7	Đá dăm xanh (chọn) 4x6	m ³	QCVN16: 2019/BXD	288.553	289.148	300.791	281.204	281.354	281.243	284.879
8	Đá dăm cấp phối loại 1	m ³		273.553	274.148	277.720	266.204	266.354	266.243	269.879
9	Đá dăm cấp phối loại 2	m ³		263.553	264.148	267.720	256.204	256.354	256.243	259.879